

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH  
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN  
TỔ CHỨC NGÀY 22&23/3/2026

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Hồ Ngọc Chung	Nam	20/10/1985	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	468/QĐ175/2026	TH015358	
2	Già Bá Công	Nam	20/01/1993	Nghệ An	H'mông	5.7	5.5	469/QĐ175/2026	TH015359	
3	Trần Việt Cường	Nam	10/10/1994	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	470/QĐ175/2026	TH015360	
4	Nguyễn Văn Đạt	Nam	07/5/2004	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	471/QĐ175/2026	TH015361	
5	Trần Thị Giang	Nữ	14/5/1994	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	472/QĐ175/2026	TH015362	
6	Bùi Thế Giáp	Nam	25/6/1994	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	473/QĐ175/2026	TH015363	
7	Tạ Thị Hà	Nữ	22/01/1988	Nghệ An	Kinh	6.0	5.5	474/QĐ175/2026	TH015364	
8	Nguyễn Thị Hà	Nữ	08/11/1999	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	475/QĐ175/2026	TH015365	
9	Trần Thị Hằng	Nữ	02/9/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	476/QĐ175/2026	TH015366	
10	Phạm Thanh Hiền	Nữ	16/10/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	477/QĐ175/2026	TH015367	
11	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	05/02/1996	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	478/QĐ175/2026	TH015368	
12	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	16/9/1984	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	479/QĐ175/2026	TH015369	
13	Chu Văn Hưng	Nam	22/5/1999	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	480/QĐ175/2026	TH015370	
14	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	30/4/1998	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	481/QĐ175/2026	TH015371	
15	Lương Chí Kiên	Nam	18/01/2007	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	7.5	482/QĐ175/2026	TH015372	
16	Ngô Thị Sơn	Nữ	02/6/1996	Nghệ An	Kinh	5.7	8.5	483/QĐ175/2026	TH015373	
17	Phạm Thị Thái	Nữ	25/6/1982	Nghệ An	Kinh	5.0	5.0	484/QĐ175/2026	TH015374	
18	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	06/02/2004	Thanh Hóa	Kinh	5.7	6.0	485/QĐ175/2026	TH015375	
19	Phùng Anh Thơ	Nữ	12/6/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	8.5	486/QĐ175/2026	TH015376	
20	Moong Văn Thông	Nam	01/4/1989	Nghệ An	Khơ Mú	5.7	5.5	487/QĐ175/2026	TH015377	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
21	Nguyễn Đình Thương	Nam	28/6/1993	Nghệ An	Kinh	6.7	7.0	488/QĐ175/2026	TH015378	
22	Xông Bá Trung	Nam	16/10/2000	Nghệ An	H'mông	5.3	7.5	489/QĐ175/2026	TH015379	
23	Trần Đình Trường	Nam	29/4/2001	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	490/QĐ175/2026	TH015380	
24	Phạm Thị An	Nữ	12/10/1998	Nghệ An	Kinh	5.3	7.5	491/QĐ175/2026	TH015381	
25	Đặng Thị Minh Ánh	Nữ	01/6/2002	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	492/QĐ175/2026	TH015382	
26	Trịnh Thị Bình	Nữ	28/12/1985	Thanh Hóa	Kinh	6.0	6.5	493/QĐ175/2026	TH015383	
27	Hà Trí Dũng	Nam	18/7/1980	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	494/QĐ175/2026	TH015384	
28	Doãn Thị Thùy Dương	Nữ	28/8/1988	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	495/QĐ175/2026	TH015385	
29	Phạm Minh Dương	Nam	09/4/1987	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	6.5	496/QĐ175/2026	TH015386	
30	Nguyễn Thị Giang	Nữ	09/10/2005	Nghệ An	Kinh	5.0	7.5	497/QĐ175/2026	TH015387	
31	Trần Thị Huệ	Nữ	10/11/1987	Nghệ An	Kinh	7.0	9.0	498/QĐ175/2026	TH015388	
32	Đinh Thị Mai Huyền	Nữ	15/6/1986	Hà Tĩnh	Kinh	6.7	5.5	499/QĐ175/2026	TH015389	
33	Lô Thị Lan	Nữ	10/11/1993	Nghệ An	Thái	5.3	6.0	500/QĐ175/2026	TH015390	
34	Bùi Thị Mai Linh	Nữ	12/12/2002	Nghệ An	Kinh	7.3	7.5	501/QĐ175/2026	TH015391	
35	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nữ	14/02/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	502/QĐ175/2026	TH015392	
36	Nguyễn Thảo Minh	Nữ	27/11/2004	Nghệ An	Kinh	8.3	9.0	503/QĐ175/2026	TH015393	
37	Trần Sơn Minh	Nam	02/02/1987	Nghệ An	Kinh	7.3	9.0	504/QĐ175/2026	TH015394	
38	Phan Thị Mỹ	Nữ	17/5/1978	Nghệ An	Kinh	5.0	5.0	505/QĐ175/2026	TH015395	
39	La Thị Nhất	Nữ	28/10/1992	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	506/QĐ175/2026	TH015396	
40	Tôn Thị Hồng Quyên	Nữ	28/3/2001	Hà Tĩnh	Kinh	5.3	7.0	507/QĐ175/2026	TH015397	
41	Trần Hữu Sáng	Nam	26/10/2002	Nghệ An	Kinh	7.0	8.5	508/QĐ175/2026	TH015398	
42	Nguyễn Thị Bích Thom	Nữ	22/7/1984	Nghệ An	Kinh	5.7	5.0	509/QĐ175/2026	TH015399	
43	Nguyễn Lê Quỳnh Thu	Nữ	05/10/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	510/QĐ175/2026	TH015400	
44	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	29/4/2003	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	511/QĐ175/2026	TH015401	
45	Hồ Thị Quỳnh Trang	Nữ	18/3/2003	Nghệ An	Kinh	7.3	8.0	512/QĐ175/2026	TH015402	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
46	Nguyễn Thành Trung	Nam	01/01/1982	Hà Tĩnh	Kinh	5.0	7.0	513/QĐ175/2026	TH015403	
47	Võ Quang Trường	Nam	30/01/1982	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	514/QĐ175/2026	TH015404	
48	Phan Thanh Tuấn	Nam	08/6/1988	Quảng Trị	Kinh	5.7	6.0	515/QĐ175/2026	TH015405	
49	Cao Đức Tuấn	Nam	30/9/1981	Nghệ An	Kinh	6.0	5.0	516/QĐ175/2026	TH015406	
50	Võ Thị Yến	Nữ	16/7/1989	Nghệ An	Kinh	6.0	9.0	517/QĐ175/2026	TH015407	
51	Võ Thế Dương	Nam	02/02/1990	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	8.0	518/QĐ175/2026	TH015408	
52	Phạm Sỹ Đường	Nam	12/02/1972	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	519/QĐ175/2026	TH015409	
53	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	10/7/1996	Nghệ An	Kinh	5.3	7.5	520/QĐ175/2026	TH015410	
54	Nguyễn Đình Hoài	Nam	13/3/1987	Nghệ An	Kinh	6.0	8.5	521/QĐ175/2026	TH015411	
55	Nguyễn Thị Hương	Nữ	28/3/2003	Nghệ An	Kinh	5.7	9.0	522/QĐ175/2026	TH015412	
56	Hoàng Nhật Khánh	Nữ	05/12/2001	Nghệ An	Kinh	5.0	6.5	523/QĐ175/2026	TH015413	
57	Nguyễn Thị Thu Lê	Nữ	19/8/1987	Hà Tĩnh	Kinh	7.3	9.0	524/QĐ175/2026	TH015414	
58	Lê Thị Hồng Mơ	Nữ	11/01/1987	Nghệ An	Kinh	6.0	9.0	525/QĐ175/2026	TH015415	
59	Trần Như Quỳnh	Nữ	10/01/1995	Quảng Trị	Kinh	6.0	7.5	526/QĐ175/2026	TH015416	
60	Nguyễn Thị Thuận	Nữ	25/02/1994	Nghệ An	Kinh	5.0	5.0	527/QĐ175/2026	TH015417	
61	Hoàng Thị Tình	Nữ	16/8/1989	Nghệ An	Kinh	7.0	9.0	528/QĐ175/2026	TH015418	
62	Hoàng Thị Quỳnh Trang	Nữ	30/3/2002	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	529/QĐ175/2026	TH015419	
63	Đào Thị Tuyết	Nữ	08/3/1991	Nghệ An	Kinh	6.3	5.0	530/QĐ175/2026	TH015420	





